

Bản án số: 02 /2019/DS-ST

Ngày: 16/9/2019

V/v : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung

Ông Nguyễn Trọng Tảo

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLST - DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Chị Phạm Thị N - Sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Thanh Bình xã Yên Thọ huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Bị đơn: - Anh Nguyễn Huy Q - Sinh năm 1982

- Chị Lã Thị G – Sinh năm 1985

- Bà Trần Thị T - Sinh năm 1939

Cùng địa chỉ: Thôn Minh Sơn xã Yên Chính huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

- Chị Nguyễn Thị S - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Nguyệt Thượng xã Yên Tân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Đại diện theo ủy quyền của bà T và chị S là chị Lã Thị G.

Tại phiên tòa có mặt chị G. Vắng mặt anh Q, bà T, chị S, chị N (chị N có đơn xin được giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình làm việc với Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/9/2016 chị có cho gia đình anh Q gồm: anh Q, chị G, bà T, chị S vay số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) lãi suất 0%. Thời hạn vay 02 năm từ ngày 28/9/2016 đến 28/9/2018. Hai bên đã làm bản cam kết có xác nhận của UBND xã Yên Chính nếu quá thời hạn trên gia đình anh Q, chị G, bà T, chị S không trả được số tiền đã vay thì toàn bộ diện tích đất hai lúa là 1803 m² đất thuộc thửa đất số 41 tờ bản đồ số 12 bản đồ địa chính xã Yên Chính lập năm 1994 sẽ thuộc quyền sở hữu của chị. Quá thời hạn trên chị đã đi đòi nhiều lần nhưng anh Q chị G bà T chị S cố tình không trả. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Q chị G bà T chị S phải trả lại cho chị số tiền đã vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), chị không yêu cầu lãi. Còn việc cam kết về chuyển giao diện tích đất 1803 m² thửa đất số 41 tờ bản đồ số 12 tại thôn Ninh Sơn xã Yên Chính huyện Ý Yên tỉnh Nam Định chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau khi Tòa án giải quyết xong mà anh Q, chị G, bà T, chị S không trả thì chị sẽ yêu cầu cơ quan pháp luật giải quyết sau.

Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải chị Lã Thị G trình bày:

Ngày 28/9/2016 gia đình chị gồm: anh Q, chị, bà T, chị S có vay của chị N số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) lãi suất 0%/tháng. Thời hạn vay 02 năm từ ngày 28/9/2016 đến 28/9/2018. Hai bên đã làm bản cam kết có xác nhận của UBND xã Yên Chính nếu quá thời hạn trên gia đình chị không trả được số tiền đã vay cho chị N thì toàn bộ diện tích đất hai lúa là 1803 m² và các tài sản trên đất tại thửa đất số 41 tờ bản đồ số 12 bản đồ địa chính xã Yên Chính lập năm 1994 ở thôn Ninh Sơn xã Yên Chính huyện Ý Yên tỉnh Nam Định sẽ được chuyển giao cho chị N. Nhưng so làm ăn thua lỗ, hiện nay anh Q đi làm ăn ở đâu chị cũng không biết, một mình chị phải nuôi mẹ già, con nhỏ nên chị không thể trả ngay số nợ trên cho chị N được. Nay chị thừa nhận còn nợ của chị N số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về đất và tài sản trên đất như hai bên đã thỏa thuận chị nhất trí. Về số tiền này chị xin trả dần mỗi năm 50.000.000 đồng cho đến hết số nợ trên.

Tại phiên tòa: Các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình anh Q gồm: Anh Q, chị G, bà T, chị S phải trả số tiền đã vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), nên đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Ý Yên tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Anh Nguyễn Huy Q, không có mặt tại địa phương, chị Lã Thị G là vợ xác nhận gia đình không biết địa chỉ của anh Q ở đâu, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định tại Điều 177 và 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng

xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các chứng cứ tài liệu mà nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 28/9/2016 chị Nguyễn Thị N đã cho gia đình anh Q gồm: Anh Q, chị G, bà T, chị S vay số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) lãi suất 0%. Thời hạn vay 02 năm từ ngày 28/9/2016 đến 28/9/2018. Hai bên đã làm bản cam kết có xác nhận của UBND xã Yên Chính. Tại các bản tự khai nộp cho Tòa án, chị Lã Thị G thừa nhận còn nợ của chị N số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) đúng như chị N đã trình bày, lời khai của chị G phù hợp với chứng cứ, tài liệu mà nguyên đơn cung cấp. Như vậy HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, buộc vợ chồng chị G anh Q, bà T chị S phải trả cho chị N số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Q chị G bà T chị S phải trả lãi đối với khoản tiền vay và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cam kết về việc chuyển giao toàn bộ diện tích đất hai lúa 1803 m² cùng các tài sản trên đất tại thửa đất số 41 tờ bản đồ số 12 bản đồ địa chính xã Yên Chính lập năm 1994 ở thôn Ninh Sơn xã Yên Chính huyện Ý Yên tỉnh Nam Định nên HĐXX không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị N không phải chịu án phí.

Anh Q, chị G, bà T, chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 147, 177, 179, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Huy Q chị Lã Thị G bà Trần Thị T chị Nguyễn Thị S.

Buộc anh Nguyễn Huy Q chị Lã Thị G bà Trần Thị T chị Nguyễn Thị S phải trả cho chị N số tiền còn nợ 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Q chị G bà T chị S phải trả lãi đối với khoản tiền vay là 200.000.000 đồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cam kết về việc chuyển giao toàn bộ diện tích đất hai lúa 1803 m² cùng các tài sản trên đất tại thửa đất số 41 tờ bản đồ số 12 bản đồ địa chính xã Yên Chính lập năm

1994 ở thôn Ninh Sơn xã Yên Chính huyện Ý Yên tỉnh Nam Định nên HĐXX không đề cập xem xét.

T hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Q chị G bà T chị S phải nộp 10.000.000 đồng.

Chị N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị N số tiền 5.000.000đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001089, ngày 01/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên.

Chị N, chị G được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q, bà T, chị S vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Chính;
- Lưu: HS, VP.

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Tâm

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tiến Mãn

2

ngày 30-3

-2017,

ông Nguyễn

Y

, bà Đỗ Thị H cho

bà Trương Thị Diễm T và con

trai

là anh Võ Thành

N vay

số tiền 90.000.000

đồng

để lo công việc gia đình, lãi

suất hai bên thỏa thuận là 1.500.000

đồng

mỗi tháng, hện 01 năm đến ngày 30

-3

-

2018

thì bà T,

anh N trả hết nợ

. Bà T và anh N

có viết giấy

mượn tiền và ông

Y,

bà H đã nộp cho Tòa án.

Từ ngày vay

đến nay

, bà T

, anh N

đã trả lãi được 09

tháng với số tiền tổng c

ộng là 13.500.000

đồng

, còn

tiền lãi

03 tháng

và nợ gốc bà

T,

anh N không trả dù

nhiều lần

ông

Y

, bà H đến nhà yêu cầu trả nợ

. Nay

Ông Y

,

bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị Diễm T và anh Võ Thành N phải trả cho ông, bà số tiền 90.000.000

đồng, không yêu cầu tính lãi.

* B

ị đơn bà Trương Thị Diễm T, anh Võ Thành N đã được

Tòa án triệu tập

hợp lệ

đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày luận cứ:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T,

anh N có nghĩa vụ trả cho ô

ng

Y

, bà H số tiền gốc 90.000.000 đồng.

Ông Y, bà H

không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ

vụ án đã được thẩm tra tại

phiên

t

òa và căn cứ vào

kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

Hội đồng xét xử nhận

đị

nh:

[1

] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án

đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn

bà

bà Trương Thị Diễm T và anh Võ Thành N

vắng mặt tại phiên tòa. C

ăn cứ Điều

227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng

mặt

bà

T, anh N.

[2]

Về

nội dung

:

[2 .1]

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông

báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải

và các văn bản tố tụng khác cho bà T, anh N nhưng trong thời hạn luật định, bà T,

anh N không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến

Tòa án để làm việc,

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

và

hòa giải, vắng mặt

tại phiên tòa, căn cứ theo Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng

xét xử giải quyết vụ án theo chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Về tiền gốc:

Qua trình bày của ông Nguyễn

Y

, bà Đỗ Thị H và bản gốc

giấy m ượn tiền ngày 30

-

3-2017 do ông

Y, bà H

cung cấp cho thấy

vào ngày 30-3

-

3

2017, bà Trương Thị Diễm T, anh Võ Thành N có vay của

ông Nguyễn

Y

, bà Đỗ

Thị H số tiền 90.000.000

đồng,

lãi

suất thỏa thuận

1.500.000

đồng mỗi tháng và

hẹn đến ngày 30

-

3-

2018 sẽ

trả hết

t s

ố tiền nói trên

.

Tuy nhiên,

khi đến hạn,

bà T

,

anh N vẫn

không

trả lại số tiền đã

vay cho ông Y

, bà H

là vi phạm thỏa thuận giữa

các bên khi giao kết hợp đồng.

Việc ông

Y

, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải

quyết buộc bị đơn là bà Trương Thị Diễm T, anh

Võ Thành N phải trả

cho ông

Nguyễn

Y, bà

Đỗ Thị H số tiền 90.000.000

đồng

là có căn cứ, Hội đồng xét xử

chấp nhận.

[2 .3]

Về tiền lãi: Theo

giấy mượn tiền, các b

ên có thỏa thuận về tiền lãi và

bà

Trương Thị Diễm T, anh Võ Thành N

đã trả số tiền lãi là 13.500.000 đồng. Xét

mức lãi suất và tiền lãi bà T, anh N đã trả phù hợp với quy định của Điều

468

của

Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử không tính lại. Ô

ng

Y, bà H không có yêu

cầu về tiền lãi nên

Hội đồng xét xử k

hông xem xét.

[3]

Về án phí:

bà Trương Thị D

iễm T, anh Võ Thành N phải chịu án phí dân

sự

sơ thẩm

là 4.500.000

đồng

(5%

của 90.000.000 đồng)

.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn

Y

, bà Đỗ Thị H

số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn của luật sư là

có căn cứ

, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

,

QUY

ẾT

ĐỊNH

:

Căn cứ

k

hoãn 4 Điều 91, các Điều 144,

147

, 227, 271

, 273

của Bộ luật

T

ố

tụng dân sự

năm 2015

;

các Điều

288,

463, 466,

468,

357

của Bộ luật Dân sự

năm

2015

;

Điều 2

6

Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14

t

uyên xử:

1. B

uộc bà Trương Thị Diễm T, anh Võ Thành N

có nghĩa vụ

liên đới

trả

cho

ông Nguyễn

Y

, bà Đỗ Thị H số tiền 90.000.000

đồng

(

Chín mươi triệu đồng

);

2.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được t

hi hành án dân sự

cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành

án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức

lãi suất quy định tại khoản 2 Điều

357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

3. Bà

Trương Thị Diễm T, anh Võ Thành N phải chịu

4.500.000

đồng

(Bốn

triệu năm trăm ngàn đồng)

tiền

án phí dân sự

sơ thẩm

;

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn

Y

, bà Đỗ Thị H 2.250.000

đồng

(

Hai triệu hai

trăm năm mươi ngàn đồng

) tiền tạm ứng án phí đã nộp t

heo Biên lai

thu

số

4

AA/2016/0003193 ngày 14/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố

Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;

4.

Nguyên đơn

có mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

15

ngày kể từ ngày

tuyên án

; b

ị đơn vắng mặt tại phiên tòa

có quyền khá

ng cáo

trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được

hoặc niêm yết

bản án;

5.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại

Điều 482 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự,

Điều 2 của Luật

T

hi hành án dân sự, thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định

tại Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự

; t

hời hiệu thi hành án được thực
hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật
T
hi hành án dân sự.

Căn cứ

vào

khoản

3

Đ

iều

26

,

điểm

a

khoản 1

Đ

iều 35

,

điểm a khoản 1 Điều

39

,

Điều 68, khoản 1 Điều 147,

khoản 1 Điều 207,

điểm b khoản 2 Điều 227

,

kho

ả

n 3

Đi

ề

u 228,

Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280

của

Bộ luật

T

ố tụng dân sự năm 2015.

C

ăn c

ứ

vào Đi

ề

u 357, đi

ể

m c kho

ả

n 1 Đi

ề

u 688 B

ộ

lu

ậ

t dân s

ự

2015

;

Đi

ề

u 471

,

474 B

ộ

lu

ậ

t dân s

ự

năm 2005

.

Lu

ậ

t phí, l

ệ

phí năm

2015 và Ngh

ị

quy

ế

t s

ố

326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 c

ủ

a

Ủ

y ban Thư

ờ

ng V

ự

Qu

ố

c h

ộ

i

quy đ

ị

nh v

ề
m
ứ
c thu, mi
ẽ
n,
gi
ả
m, n
ộ
p, qu
ả
n lý và s
ử
d
ụ
ng án phí và l
ệ
phí Tòa án.